TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2019/HS-ST
Ngày 19-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thanh
Bà Trương Thị Như Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Mãi - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Chí T-bc, sinh ngày 19/9/1996 tại huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú ấp KQ B, xã VK, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hóa 3/12; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; con ông Nguyễn Chí D và bà Nguyễn Thị Tr; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cu trú. *(có mặt).*

Người bào chữa: Ông Dương Minh B, Luật sư do Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang cử (*có mặt)*

Bị hại: Anh Nguyễn Tự H-bh, sinh năm 1997. Cư trú: ấp 11A, xã ĐH B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (*xin vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 10/4/2018, Nguyễn Chí T-bc điều khiển xe Exciter, màu xanh, biển số 68M1-233.92 chở Nguyễn Văn T-lq từ nhà T-bc ra hướng Cống KQ thuộc ấp KQ, xã VK, huyện An Minh để tìm xe lấy trộm. Khi chạy ngang nhà ông Huỳnh Văn Ng, thuộc ấp KQ, xã VK thì phát hiện xe máy, nhãn hiệu Honda, số loại HC121 Ware, màu sơn Đỏ-Đen-Bạc, Biển kiểm soát 68M1-130.28 của anh Nguyễn Tự H-bh đậu trên lộ đal, không có người trông giữ nên T-bc dừng xe lại cho T-lq lấy trộm. T-lq dùng chìa khóa cũ đã chuẩn bị trước mở khóa xe rồi cùng T-bc chạy xuống chợ Thứ 11 tìm nơi tiêu thụ thì bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện An Minh bắt quả tang.

Trong quá trình bắt Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (Một) xe Exciter biển số 68M1-233.92 màu xanh; 01 (Một) xe Honda loại xe HC121 Ware, màu sơn Đỏ-Đen-Bạc, Biển kiểm soát 68M1-130.28, trong cốp xe có 01 Ví da màu đen, trong ví có 01 chiếc nhẫn loại nhẫn trơn, loại vàng 9950, bên trong có ghi ký hiệu "20 THOT NOT" trọng lượng 2,0 chỉ, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy tên Nguyễn Tự H-bh, 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Tự H-bh, 01 bảo hiểm xe tên Nguyễn Tự H-bh, tiền Việt Nam là 204.000 đồng, 01 giấy chứng minh tên Nguyễn Tự H-bh, 01 thẻ ra vào cổng tên Nguyễn Tự H-bh. Hiện cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại Nguyễn Tự H-bh.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐG ngày 28/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện An Minh kết luận: 01 (Một) xe Honda loại xe Ware, màu sơn Đỏ-Đen-Bạc, Biển kiểm soát 68M1-130.28 của ông Nguyễn Tự H-bh giá trị còn lại là 10.595.000 đồng, 01 chiếc nhẫn loại nhẫn trơn, loại vàng 9950, bên trong có ghi ký hiệu "20 THOT NOT" trọng lượng 2,0 chỉ giá trị còn lại là 7.080.000 đồng. Tổng số tài sản mà Nguyễn Văn T-lq và Nguyễn Chí T-bc trộm cắp có giá trị là 17.879.000 đồng.

Đối với xe Exciter, màu xanh, biển số 68M1-233.92 mà T-bc chở T-lq đi trộm cắp tài sản là của chị Nguyễn Thị Bích D cho T-bc mượn để đi chơi. Khi T-bc dùng xe chở T-lq đi Trộm cắp tài sản chị D không hay biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chị D-lq.

Tại Cáo trạng số 02/CTr-VKS ngày 10-01-2019 Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang truy tố Nguyễn Chí T-bc về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

- Kiểm sát viên kết luận bị cáo T-bc phạm tội trộm cắp tài sản và đề nghị áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T-bc từ 6 đến 9 tháng tù. Ý kiến của người bào chữa cho rằng bị cáo

phạm tội chưa gây thiệt hại là không phù hợp vì tài sản thu hồi được là do Công an xử lý kịp thời, không phải do bị cáo tự khắc phục; Việc người bào chữa đề nghị cho bị cáo hưởng án treo là không phù hợp. Về trách nhiệm dân sự, bị hại đã nhận lại đủ tài sản, không yêu cầu thêm nên đề nghị không xem xét. Về tang vật đã trả cho chủ sở hữu xong.

- Bị cáo T-bc T-bc nhận đã thực hiện hành vi như Cáo trạng đã nêu và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

- Người bào chữa trình bày: thống nhất với tội danh và các tình tiết giảm nhẹ như ý kiến của Kiểm sát viên. Đề nghị HĐXX xem xét thêm các tình tiết: bị cáo phạm tội nhưng tài sản đã được trả lại cho chủ sở hữu nên được coi là phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo thuộc hộ nghèo tại địa phương, có nhân thân tốt nên là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt nên đề nghị áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị hại: vắng mặt tại phiên tòa, không có lời trình bày.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo trình bày là đã biết lỗi, rất hối hận về hành vi của bản thân gây ra, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Bên cạnh đó, Cơ quan Công an đã có thiếu sót là không xử lý vụ án kịp thời. Bởi lẽ, hành vi của bị cáo T-bc và T-lq đã được phát hiện và làm việc với đối tượng chỉ sau 2 giờ, kể từ lúc xảy ra sự việc. Nhưng đến ngày 27- 9-2018, tức là sau 5 tháng, mới khởi tố vụ án và khởi tố bị can. Do sự chậm trễ này mà đối tượng T-lq đã bỏ trốn dẫn đến khó khăn trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử. Tuy nhiên, sai sót này không là vi phạm nghiêm trọng nên chỉ cần nêu ra để rút kinh nghiệm.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo T-bc tại phiên tòa phù hợp với những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ đó có đủ căn cứ để xác định: Vào khoảng 21 giờ ngày 10/4/2018, Nguyễn Chí T-bc cùng với Nguyễn Văn T-lq lấy trộm xe máy, nhãn hiệu Honda, số loại HC121 Ware, màu sơn Đỏ-Đen-Bạc, Biển kiểm soát 68M1-130.28 của anh Nguyễn Tự H-bh. Trong cốp xe có 01 Ví da màu đen, trong ví có 01 chiếc nhẫn loại nhẫn trơn, loại vàng 9950, bên trong có ghi ký hiệu "20 THOT NOT" trọng lượng 2,0 chỉ, tiền Việt Nam là 204.000 đồng, rồi cùng nhau chạy xuống chợ Thứ 11 tìm nơi tiêu thụ thì bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện An Minh bắt quả tang. Tổng số tài sản mà T-lq và T-bc chiếm đoạt có giá trị là 17.879.000 đồng.

[3] Như vậy, nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu để lén lút chiếm đoạt tài sản của họ; khi chiếm đoạt tài sản bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; tài sản bị cáo chiếm đoạt là 01 (Một) xe môtô có giá trị còn lại tại thời điểm bị lấy trộm là 10.595.000 đồng và 01 chiếc nhẫn loại nhẫn trơn, trọng lượng 2,0 chỉ giá trị còn lại là 7.080.000 đồng. Đối với số vàng trong xe tuy bị cáo không biết khi thực hiện chiếm đoạt nhưng qua xét hỏi bị cáo T-bc nhận sẽ mặc nhiên chiếm đoạt nếu phát hiện. Do đó Viện kiểm sát xác định tổng số tài sản mà T-lq và T-bc trộm cắp có giá trị là 17.879.000 đồng là có căn cứ. Bị cáo phạm tội khi có cùng 2 người trở lên cùng cố ý thực hiện một tội phạm nên là đồng phạm. Tuy nhiên, do không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự phân công cụ thể mà khi xác định được tài sản thì cùng nhau thực hiện hành vi nên chỉ là đồng phạm giản đơn, không phải là phạm tội có tổ chức. Vì vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của bị hại, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, gây bất bình trong nhân dân, nên cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt. Đồng thời cũng nhằm để răn đe, cảnh tỉnh chung đối với mọi người có ý thức tuân thủ pháp luật và tôn trọng tài sản hợp pháp của người khác.

[5] Khi quyết định hình phạt cũng cần thấy rằng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Trong vai trò đồng phạm, bị cáo T-bc là người bị T-lq rủ rê, lôi kéo nên có phần trách nhiệm nhẹ hơn; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Người bào chữa có đề nghị xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự với lý do tài sản đã được thu hồi kịp thời và giao trả cho bị hại nên chưa gây thiệt hại. HĐXX thấy hành vi của bị cáo đã hoàn thành và thiệt hại đã xảy ra từ khi bị cáo chiếm đoạt được tài sản, còn việc thu giữ và trao trả tài sản cho bị hại là do cơ quan chức năng kịp thời phát hiện, ngăn chặn. Do đó, HĐXX chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, không chấp nhận ý kiến của người bào chữa về việc cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, HĐXX sẽ xem việc này và bị cáo thuộc diện hộ nghèo, có trình độ văn hóa và am hiểu pháp luật kém là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Qua phân tích, thấy tuy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nhưng không có cơ sở để áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo như đề nghị của người bào chữa. Bởi lẽ, tình hình tội phạm trên địa bàn huyện đang diễn biến rất phức tạp, nhất là các tội phạm trộm cắp tài sản. Việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ không mang tác dụng răn đe, phòng ngừa, sẽ không đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm tại địa phương. HĐXX cần phải áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, buộc chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định là phù hợp với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo.

[7] Về vật chứng và trách nhiệm dân sự, Cơ quan điều tra đã giao trả lại tài sản cho chủ sở hữu và cho người bị hại anh H-bh nhận. Họ không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[8] Về án phí, bị cáo là cá nhân thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Đối với đối tượng Nguyễn Văn T-lq đã tham gia cùng bị cáo T-bc thực hiện hành vi phạm tội do đã bỏ trốn nên Cơ quan Điều tra đã tách vụ án và truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Chí T-bc phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T-bc 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

2- Về trách nhiệm dân sự, không xem xét đến.

3- Về vật chứng, không xem xét đến.

4- Về án phí, áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Chí T-bc được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5- Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 19-3-2019). Bị hại H-bh vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKS huyện, tỉnh;
- Tòa án tỉnh KG;
- Cơ quan THAHS huyện AM;
- Cơ quan THADS huyện AM;
- Bị cáo; Bị hại; NBC;
- Sở TP tỉnh KG;
- UBND xã VK;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Lê Chí Công